

Số: 132/KH-UBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu

**Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I và Nghị quyết Đại hội đại biểu
Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thể hiện quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong triển khai thực hiện, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra thành những nội dung, đề án, chương trình, nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2026-2030.

- Nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh nhiệm kỳ 2025-2030 và tạo sự đồng thuận, thống nhất hành động trong cả hệ thống chính trị và Nhân dân.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo phù hợp và gắn kết chặt chẽ với chủ trương, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09/12/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, năng lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; tăng cường sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân; phân công rõ cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ trì cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện, rõ lộ trình, rõ sản phẩm cụ thể trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2026-2030.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp, đô thị hiện đại, văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

1.1. Phát triển nền công nghiệp công nghệ cao theo hướng xanh, sạch, hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường trên cơ sở tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ. Tập trung thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng, các ngành sử dụng công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số, tự động; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ đóng tàu, công nghiệp ô tô, công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp năng lượng, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới gia tăng giá trị sản phẩm công nghiệp, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, các dự án nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới. Tập trung xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ thành lập Khu công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của tỉnh; triển khai Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp dược - sinh học và thu hút đầu tư, phát triển thành trung tâm công nghiệp dược hàng đầu của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

1.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp. Phát triển mạnh mẽ các sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi, đánh bắt hải sản, phát triển nuôi trồng thủy hải sản ứng dụng công nghệ cao; tăng cường quản lý chất lượng nông, thủy sản theo tiêu chuẩn, xây dựng thương hiệu hàng hóa uy tín. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn và khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước. Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, kinh tế làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới, hướng tới mô hình nông thôn mới văn minh.

1.3. Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hoá. Phát triển dịch vụ, thương mại chất lượng cao, phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh. Phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, thể thao, hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn đồng bộ, hiện đại kết nối với hệ thống cảng trong khu vực đồng bằng sông Hồng, tạo đà cho hoạt động trung chuyển, giao thương, giúp Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng. Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng, hiện đại; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng các khu du lịch trọng điểm. Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn, tầm vùng và quốc gia.

1.4. Phát triển ngành năng lượng, phấn đấu sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; ổn định nhiệt điện than; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng địa nhiệt, hải lưu... Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện, các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng. Nghiên cứu thu hút đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ một số dự án trọng điểm như: Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Thái Bình; Nhà máy sản xuất Amoniac, các dự án điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác... bảo đảm phù hợp với quy hoạch.

1.5. Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng biển, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng. Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công

nghe, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí. Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026-2030. Trình cấp có thẩm quyền thành lập và triển khai xây dựng Khu kinh tế tự do gắn với cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội; trở thành một trong những khu kinh tế mở, năng động, thân thiện với nhà đầu tư bậc nhất châu Á, trở thành một động lực và cực tăng trưởng mới của Hưng Yên, vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc. Thực hiện hiệu quả phương án phân bổ và sử dụng không gian biển; phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển. Mở rộng hành lang, không gian hướng biển, kết nối với các địa phương ven biển; đầu tư cải tạo mở rộng các tuyến luồng hàng hải; quy hoạch, xây dựng sân bay, cảng biển có năng lực tiếp nhận tàu tải trọng 200 nghìn tấn trở lên; đầu tư hệ thống giao thông hiện đại, đa phương tiện kết nối Khu kinh tế tự do với thủ đô Hà Nội, các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng và các trung tâm, tiểu vùng của tỉnh

1.6. Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng, công nghiệp. Rà soát, hoàn thiện đồng bộ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; hình thành các khu vực đô thị trung tâm quy mô lớn, các khu đô thị vệ tinh, đô thị chức năng. Xây dựng hạ tầng giao thông kết nối các tuyến quốc lộ, cao tốc, kết nối các vùng kinh tế, nhất là vùng kinh tế ven biển. Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông giai đoạn 2026-2030. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thiện các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh và các tỉnh lân cận; kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, bến thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics. Quy hoạch, phát triển hệ thống cảng biển, cảng sông, cảng cạn, hệ thống cầu qua sông kết nối với địa phương giáp ranh, các bến xe công cộng, mạng lưới vận tải liên tỉnh và nội tỉnh. Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong tổng thể tổ chức không gian kinh tế của tỉnh. Tập trung ưu tiên đầu tư, xây dựng đáp ứng trực tiếp các tiêu chí đô thị theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị vùng, chương trình phát triển đô thị. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị; phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, siêu lớn, sinh thái, thông minh, hiện đại, các mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Phát triển nhà ở xã hội, nhất là dành cho công nhân, người lao động; cải thiện điều kiện nhà ở khu vực nông thôn. Phát triển thị trường bất động sản, nhà ở an toàn, lành mạnh, hiệu quả, đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn của khu vực. Hoàn thiện quy hoạch và đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở, nông thôn mới; hạ tầng đề điều, thủy lợi, bảo vệ môi trường,

cấp, thoát nước và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, năng lượng, chiếu sáng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình.

1.7. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai các mô hình kinh tế mới, mang tính sáng tạo là nền tảng, động lực, tạo đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động. Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng đề án thành lập Khu công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo, đề án phát triển Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) và chỉ số chuyển đổi số (DTI). Phát triển mạnh chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số. Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tích hợp, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng số, các ứng dụng số, công cụ và giải pháp công nghệ. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

1.8. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, lợi thế về biển, hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, kết nối cao, tiềm năng về đất đai, lao động. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo đột phá và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính. Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp FDI, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Xác định kinh tế tư nhân là động lực phát triển quan trọng nhất của nền kinh tế; bám sát tinh thần chỉ đạo tại các Nghị quyết số 66-NQ/TW, số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, quyết liệt triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, nguồn lực để khuyến khích, hỗ trợ cho phát triển kinh tế tư nhân. Xây dựng Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Cùng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, Kế hoạch phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược, các ngành, lĩnh vực, địa bàn mang tính chất động lực phát triển. Phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân; tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh tiến

độ triển khai dự án đầu tư công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công hằng năm.

Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu, cơ sở thu; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý chặt chẽ chi ngân sách, tiết kiệm các khoản chi, nội dung chi chưa cần thiết để tập trung nguồn lực đầu tư cho các dự án, công trình trọng điểm có tính động lực, liên kết các vùng, tạo ra không gian phát triển mới cho tỉnh trong giai đoạn tới. Phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả.

1.9. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai theo quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo phân bổ đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; kiểm tra, xử lý dứt điểm các vi phạm về đất đai, xây dựng và các dự án đầu tư có sử dụng đất không triển khai, chậm tiến độ, gây lãng phí tài nguyên, nguồn lực. Tập trung nâng cao năng lực bảo vệ môi trường, tăng cường triển khai đồng bộ các giải pháp “phòng” đi đôi với “chống” ô nhiễm môi trường, kiểm soát an toàn các nguồn phát thải. Nâng cao năng lực và chủ động công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý, phát triển và bảo vệ tốt rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên

2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Hưng Yên; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả y tế, giáo dục, đào tạo; cải thiện an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân

2.1. Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển. Bảo tồn, tôn tạo, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên. Phát huy các giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các di sản văn hoá, di tích lịch sử. Quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp tỉnh, xã gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh, hiện đại. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại; phát triển sản

phẩm du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao; tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2.2. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chuyển đổi số toàn diện. Tăng cường đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên. Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường thu hút nhân tài, thu hút lao động có tay nghề cao. Chủ động thu hút các trường đại học uy tín, chất lượng cao thành lập, mở phân hiệu, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh; qua đó hình thành trung tâm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng.

2.3. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao sức khỏe toàn diện của Nhân dân - cả thể chất, tinh thần, tâm vóc và tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống. Cơ cấu lại mạng lưới y tế, nâng cao năng lực bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến khu vực, y tế cơ sở và y tế dự phòng. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, cân đối, đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và sự hài lòng của người dân. Nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phát triển y tế chuyên sâu và bảo đảm an ninh y tế. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát an toàn thực phẩm. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; có chính sách thích ứng với già hóa dân số; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

2.4. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững. Phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống bảo hiểm, tín dụng chính sách; tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt; khuyến khích hình thành các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng; cải thiện điều kiện và nâng cao chất lượng sống của người dân.

3. Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, phục vụ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân, vì dân; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. Tiếp tục hoàn thiện và vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi

với tăng cường tính minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, người dân và doanh nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ; lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện; tiếp tục quan tâm công tác quy hoạch, luân chuyển và đào tạo cán bộ cơ sở. Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo hướng tinh gọn. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn thư, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

4. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân góp phần quan trọng hỗ trợ, huy động nguồn lực và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(Chi tiết nhiệm vụ trọng tâm của các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm đề ra tại Kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; đồng thời, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án và nhiệm vụ trọng tâm khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong suốt nhiệm kỳ; chủ động ban hành văn bản cụ thể của đơn vị mình để triển khai thực hiện, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh nhiệm kỳ 2025-2030.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục I và Phụ lục II của Kế hoạch này; định kỳ hàng năm, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện gửi về Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ của sở, ban, ngành, địa phương mình.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành, địa phương về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Phụ lục I và Phụ lục II; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tổ chức giám sát và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2026-2030.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tài chính và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Ngọc

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA TỈNH HƯNG YÊN
(Kèm theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030/ đến năm 2030 được giao	Đơn vị theo dõi tổng hợp báo cáo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
1	VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030	%/năm	10-11, phần đầu từ 11 trở lên	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
2	Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đến năm 2030	Tỷ đồng	Khoảng 600.000	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
3	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng	Trên 180 và phần đầu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
4	Cơ cấu kinh tế trong GRDP (theo giá hiện hành) đến năm 2030					
-	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	8,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	60,0	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Khu vực dịch vụ	%	27,5	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,5			
5	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026-2030	%/năm	11,5-12	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%/năm	2,3-2,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thống kê tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
-	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%/năm	13-13,5	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh		
+	Khu vực công nghiệp	%/năm	12,5-13	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Sở Công Thương; Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh; Ban Quản lý các KCN tỉnh; các xã, phường	
+	Khu vực xây dựng	%/năm	15,5-16	Sở Xây dựng; Thống kê tỉnh	Sở Xây dựng; các BQLĐA của tỉnh; các xã, phường	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030/ đến năm 2030 được giao	Đơn vị theo dõi tổng hợp báo cáo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
-	Khu vực dịch vụ	%/năm	8,5-9	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ngân hàng nhà nước khu vực 12; các Công ty xổ số kiến thiết; các xã, phường	
6	Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn giai đoạn 2026-2030	Tỷ đồng	Khoảng 1.100.000	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; các xã, phường	
	Tỷ lệ lòng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP	%	47,6			
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030	Tỷ đồng	Khoảng 65.000		Sở Tài chính; Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực IV	Phân đầu cuối nhiệm kỳ, tình hình Yên đạt
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	Khoảng 57.000	Sở Tài chính	Sở Tài chính; Thuế tỉnh	Hưng Yên đạt mục tiêu tự cân đối và có điều tiết một phần về ngân sách trung ương
	Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	Khoảng 36.000		Sở Tài chính; Chi cục Hải quan khu vực IV	
-	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	Khoảng 8.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
8	Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030	%	50	Sở Công Thương	Sở Công Thương; Chi cục Hải quan khu vực IV	
9	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2026-2030	%/năm	Trên 11	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
10	Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh bình quân giai đoạn 2026-2030	%/năm	Trên 10	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
11	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	50			
12	Xếp hạng các chỉ số đến năm 2030					
	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI	Thứ hạng		Sở Tài chính		
	Chỉ số chuyển đổi số DTI	Thứ hạng		Sở Khoa học và Công nghệ		
	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương	Thứ hạng		Sở Khoa học và Công nghệ		
	Chỉ số cải cách hành chính (Par Index)	Thứ hạng		Sở Nội vụ		
	Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS)	Thứ hạng		Sở Nội vụ		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030/ đến năm 2030 được giao	Đơn vị theo dõi tổng hợp báo cáo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	Thứ hạng		Sở Nội vụ		
II	VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI					
13	Chỉ số phát triển con người HDI đến năm 2030	Chỉ số	0,79	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
14	Tuổi thọ trung bình đến năm 2030	Năm	76,8	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
	Trong đó: Thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu	Năm	70			
15	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2026-2030	%/năm	Dưới 1	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
16	Số bác sĩ trên 1 vạn dân đến năm 2030	Bác sĩ	Trên 15	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
17	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm 2030	Giường	Trên 43	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
18	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	99	Sở Y tế	Sở Y tế; Bảo hiểm xã hội tỉnh; các xã, phường	
19	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030	%	60	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh; các xã, phường	
20	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm giai đoạn 2026-2030	%/năm	100	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
21	Tỷ lệ thất nghiệp đến năm 2030	%	Dưới 1,5	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ; các xã, phường	
	Thành thị	%	Dưới 1,7			
	Nông thôn	%	Dưới 1,35			
22	Phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030	Căn hộ	47.000	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng; các xã, phường	
23	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động đến năm 2030 giảm còn	%	15	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
24	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030	%	Trên 40,5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các xã, phường	
25	Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030	%	95	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các xã, phường	

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030/ đến năm 2030 được giao	Đơn vị theo dõi tổng hợp báo cáo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
-	Trong đó: Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia	%	100		phường	
26	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030	%	Dưới 0,5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
27	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030) đến năm 2030	%	Trên 70	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030)	%	Trên 15			
28	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" hằng năm giai đoạn 2026-2030	%/năm	Trên 90	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; các xã, phường	
III VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						
29	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đến năm 2030	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
30	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030	%		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
31	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đến năm 2030	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
32	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Ban Quản lý KKT và các Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý các KCN tỉnh; các xã, phường	
33	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2030	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
34	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030	%	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
35	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030	%	Khoảng 70	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
IV VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH						
36	Kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm giai đoạn 2026-2030	%/năm	Ít nhất 10	Công an tỉnh	Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; các sở, ban, ngành, các xã, phường	

Phụ lục II

CÁC NHIỆM VỤ TRONG TÂM QUẢ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Kế hoạch số 132/KH-LUBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
A	NĂM 2026					
1	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 01/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
2	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
3	Kế hoạch xây dựng, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý 1/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
4	Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở: Tài chính, KH&CN, NN&MT, VH TT&DL; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5	Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định UBND tỉnh	
6	Quy định xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
7	Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 2/2026	Quyết định UBND tỉnh	
8	Quy định một số nội dung về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 01/2026	Quyết định UBND tỉnh	
9	Kế hoạch thực hiện chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 01/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
10	Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 06/11/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý 1/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
11	Kế hoạch tổ chức hoạt động hướng ứng Ngày quyền người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh năm 2026	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý 1/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
12	Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Quyết định UBND tỉnh	
13	Đề án thành lập Khu kinh tế tự do Hưng Yên	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các Sở, ngành liên quan	Tháng 1/2026	Quyết định UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
14	Xây dựng Kế hoạch phát triển Khu kinh tế 5 năm (2026-2030)	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các Sở, ngành liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
15	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế giai đoạn 2026-2030	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các Sở, ngành liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
16	Kế hoạch phát triển các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các sở ngành, UBND các xã và các đơn vị có liên quan	Quý I/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
17	Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các KCN. Phần đầu có 06 KCN (KCN số 04, KCN số 07, KCN Kim Đông - Ân Thi, KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám, KCN Phú Cừ, KCN Bãi Sậy) được phê duyệt duyệt quy hoạch phân khu xây dựng.	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các sở ngành, UBND các xã và các đơn vị có liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
18	Tổ chức vận động kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng KCN, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Phần đầu thành lập mới thêm 03 KCN (KCN Tân Dân, KCN Tiên Lữ - Kim Đông - Ân Thi, KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám)	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các sở ngành, UBND các xã và các đơn vị có liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
19	Đôn đốc hỗ trợ các nhà đầu tư hạ tầng KCN mới được quyết định chủ trương đầu tư (KCN số 01, KCN số 06, KCN Lý Thường Kiệt, KCN Thố Hoàng, KCN Văn Nhuệ Hoàng Hoa Thám, KCN Văn Giang) hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN. Phần đầu có thêm 500 ha đất được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN.	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các sở ngành, UBND các xã và các chủ đầu tư hạ tầng KCN	Quý IV/2026	Diện tích đất được đầu tư xây dựng hạ tầng KCN.	
20	Tổ chức vận động xúc tiến đầu tư vào trong các KCN trên địa bàn tỉnh, chủ trương thu hút các dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, các dự án đầu tư vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng và tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước. Phần đầu thu hút thêm khoảng 1,5 tỷ USD cấp mới và điều chỉnh tăng thêm tại KCN.	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các sở ngành, các chủ đầu tư hạ tầng KCN	Quý IV/2026	Vốn đầu tư đăng ký được chứng nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
21	Tổ chức làm việc với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có quy mô lớn, để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, sớm hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phân đầu có thêm ít nhất 100 dự án đưa vào hoạt động (tăng 47% so với 2025), tổng vốn đầu tư giải ngân tại các KCN đạt khoảng 30.000 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2025). Trong đó: - Vốn giải ngân của các dự án hạ tầng KCN: Đạt 5.000 tỷ đồng; - Vốn đầu tư giải ngân của các dự án đầu tư trong KCN: Đạt 25.000 tỷ đồng.	Ban quản lý các khu công nghiệp	Các chủ đầu hạ tầng KCN, các doanh nghiệp trong KCN và các Sở ngành địa phương liên quan.	Quý IV/2026	Số dự án đưa vào hoạt động/vốn đầu tư giải ngân của các doanh nghiệp tại KCN.	
22	Chú động tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, thúc đẩy mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Phần đầu doanh thu của các dự án trong KCN năm 2026 đạt 159.161 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2025 (140.736 tỷ đồng). Nộp ngân sách nhà nước tăng tối thiểu 15% so với năm 2025	Ban quản lý các khu công nghiệp	Sở Công Thương, Thuế Hưng Yên, Chi cục Hải Quan K V IV, các chủ đầu hạ tầng KCN, các doanh nghiệp trong KCN	Quý IV/2026	Kết quả doanh thu, nộp NS của các doanh nghiệp trong KCN.	
23	Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
24	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành đô thị loại I đến năm 2035 và thành phố trực thuộc Trung ương, thông minh, sinh thái đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
25	Dự án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân KCN giai đoạn 2021 -2030", năm 2025 và các năm 2026-2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
26	Lập Quy hoạch đô thị và nông thôn toàn tỉnh; điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu Kinh tế Hưng Yên để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu công nghiệp; các xã, phường	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
27	Thực hiện đề án phát triển nhà ở xã hội, phần đầu đến năm 2030 đạt 48.500 căn; riêng trong năm 2026, mục tiêu cụ thể là xây dựng 5.900 căn nhà ở xã hội	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
28	Tham mưu quản lý nhà nước và đôn đốc tiến độ các dự án kết nối vùng như: Vành Đai 4-Vùng thủ đô, CT08, đường Tân Phúc - Vông Phan, đường kết nối di sản, đường Phố Hiến-Thái Bình, Đường sắt Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng, cầu Mai Động....	Sở Xây dựng	Các xã, phường có dự án	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
29	Tham mưu các giải pháp phần đầu đạt tỷ lệ đô thị hóa 50% vào năm 2030 (năm 2026) dự kiến đạt 37,2%	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
30	Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, chủ đầu tư quyết tâm giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2026.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính	Năm 2026	Văn bản tham mưu	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
31	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 1/2026	Nghị quyết BTv	
32	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
33	Đề án phát triển nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
34	Chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 1/2026	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	
35	Đề án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 01/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
36	Dự án cải tạo, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm cây ăn quả đặc sản, chủ lực tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
37	Dự án tăng cường quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên một số cây trồng chính tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
38	Dự án cải tạo, phục hồi, nâng cao chất lượng đất canh tác phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 11/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
39	Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 9/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
40	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý III/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
41	Đề án phát triển nuôi thủy đặc sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
42	Dự án phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng thông minh và bền vững phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh và hướng tới xuất khẩu các sản phẩm thể mạnh giai đoạn 2027-2032	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
43	Kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
44	Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 2/2026	Quyết định UBND tỉnh	
45	Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định của UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
46	Dự án “Hỗ trợ nâng cao khả năng nhận diện sản phẩm, kết nối kênh tiêu thụ nông sản đặc sản, chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tỉnh Hưng Yên với cộng đồng các nhà bán lẻ giai đoạn 2026-2030”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
47	Dự án xây dựng, phát triển và mở rộng chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đảm bảo an toàn gần với phát triển thị trường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý giai đoạn 2026 - 2030, định hướng 2045.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
48	Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
49	Kế hoạch xây dựng, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
50	Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm nâng cao năng lực và trách nhiệm trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
51	Nghị quyết về hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Nghị quyết của UBND tỉnh	
52	Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
53	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Phương án	
54	Quyết định về Phân cấp quản lý công trình thủy lợi, quy mô thủy lợi nội đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
55	Quyết định Ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
56	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo AI vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp tại tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính và UBND các xã ven biển có rừng	Quý IV/2026	Hệ thống phần mềm	
57	Kiểm kê rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính và UBND các xã ven biển có rừng	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
58	Đề án tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 1/2026	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh	
59	Đề án nâng cao năng lực hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ hiện đại tại các đô thị và nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 9/2026	Quyết định của UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
60	Đề án rà soát, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kiểm soát cơ sở sản xuất đạt chuẩn môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
61	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	
62	Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	06 tháng từ ngày ký HD với đơn vị tương đương	Kế hoạch của UBND tỉnh	
63	Xây dựng Bảo cáo tổng quan hiện trạng môi trường cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Báo cáo của UBND tỉnh	
64	Danh mục ao, hồ, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
65	Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
66	Kế hoạch đầu tư giải quyết khai thác khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
67	Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 4 và tháng 10/2026	Danh mục CT, dự án phải thu hồi đất tại các xã phường	
68	Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Quyết định của UBND tỉnh	
69	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 11/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh	
70	Tiếp tục rà soát, nhập liệu đối với các Giấy chứng nhận đã thu thập được trong quá trình triển khai Kế hoạch 515/KH-BCA-BNNMT và qua hệ thống Vnied	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	55.979 thửa đất	
71	Thực hiện rà soát, đối chiếu, xác thực thông tin của người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất với CSDL quốc gia về dân cư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	909.424 thửa đất	
72	Rà soát, nhập bổ sung, hoàn thiện thông tin các thửa đất còn thiếu chưa nhập vào CSDL đất đai, đảm bảo CSDL đất đai "đúng - đủ - sạch - sống"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 10/2026	1.885.691 thửa đất	
73	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài chính	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
74	Báo cáo rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Đơn vị tư vấn; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Quyết định Chủ tịch UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
75	Đề án cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
76	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
77	Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Liên minh Hợp tác xã; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
78	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 8/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
79	Đề án chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý thuế	Thuế tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Kho bạc; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
80	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy/ Quyết định UBND tỉnh	
81	Đề án thành lập Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định Thủ tướng Chính phủ	
82	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy/ Quyết định UBND tỉnh	
83	Đề án phát triển Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
84	Đề án Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hưng Yên đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	
85	Đề án bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Bảo vệ PT-TH Hưng Yên; Cục Di sản văn hóa (Bộ VH-TT-DL); UBND các xã, phường	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
86	Nghị quyết về tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 1/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
87	Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
88	Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chỉ tiêu tài chính đối với các giải thể thao tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Quyết định UBND tỉnh	
89	Kế hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý III/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
90	Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định UBND tỉnh	
91	Đề án tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
92	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
93	Chính sách hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
94	Chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
95	Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Báo cáo	
96	Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, mời gọi các trường đại học trong và ngoài nước về đầu tư xây dựng tại Khu Đại học Phố Hiến; phối hợp với các cơ quan liên quan tạo điều kiện thuận lợi để các trường, nhà đầu tư đã đề xuất dự án sớm triển khai tại Khu Đại học Phố Hiến	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	
97	Tham mưu xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi để thu hút các trường đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu KHCN, cơ sở GDNV, cơ sở GĐPT công lập được tạo nguồn vốn từ việc chuyển đổi tài sản, quyền sử dụng đất tại các cơ sở cũ của trường từ nội thành Hà Nội về Khu Đại học Phố Hiến; chính sách đặc thù hỗ trợ từ nguồn NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở mới trong Khu Đại học được Chính phủ phê duyệt.	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định	
98	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Đề án điều chỉnh, bổ sung xây dựng Khu Đại học Phố Hiến được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu 1/2.000 Khu Đại học Phố Hiến phù hợp với tình hình thực tế	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản phối hợp	
99	Tăng cường phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan làm tốt công tác quản lý, bảo vệ môi trường. Kiểm tra giám sát sự dụng đất đai, môi trường hiện trạng theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu Đại học Phố Hiến đã được phê duyệt	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026		

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
100	Xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của Khu Đại học Phố Hiến; phối hợp với các địa phương liên quan để nâng cao chất lượng, tiến độ của công tác giải phóng mặt bằng	Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026		
101	Chương trình hành động của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 2/2026	CTHD của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch UBND tỉnh	
102	Đề án Phát triển ngành y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2027	Quyết định UBND tỉnh	
103	Đề án cải thiện xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Tháng 2/2026	Đề án	
104	Đánh giá, xác định chỉ số CCHC, chỉ số hiệu quả quản trị và HCC (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp xã đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tham mưu đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu, cá nhân có liên quan tại cơ quan HCNN, đơn vị SNCL thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hưng Yên trong thực hiện các chỉ số cải cách nền hành chính năm 2026	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị SNCL, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Quý IV năm 2026	Quyết định	
105	Triển khai thực hiện Đề án "Chính lý tài liệu nền giấy của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2028"	Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Tháng 12/2028	100% tài liệu đã được chính lý, XDGTTL	
106	Số hóa tài liệu lưu trữ cấp huyện đã chính lý trước khi kết thúc hoạt động đang được bảo quản tại trung tâm Lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Tháng 12/2026	Cơ sở dữ liệu	
107	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030".	Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Theo tiến độ của Đề án	Dữ liệu số hóa	
108	Triển khai hoàn thành 100% các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Năm 2026	Lớp đào tạo, bồi dưỡng	
109	Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 1/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
110	Hướng dẫn việc xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Trước 30/06	Công văn, Tờ trình	
111	Triển khai, thực hiện công tác kiểm tra công vụ theo Kế hoạch năm 2026	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Năm 2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
112	Quyết định quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quý III/2026	VBQPPL của cấp có thẩm quyền	
113	Triển khai rà soát ngành công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, thực hiện xét chuyển để đáp ứng với cơ cấu chức ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quý II/2026	Công văn, báo cáo	
114	Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác để đảm bảo phòng chống tham nhũng, tiêu cực	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Tháng 1/2026	Tờ trình	
115	Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	Sở Nội vụ	HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan; Đảng ủy, UBND cấp xã	Tháng 3/2026	Các VB chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện	
116	Đề án Phân loại đơn vị hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Báo cáo, tờ trình, đề án	
117	Đề án chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và môi trường; UBND các xã, phường	Tháng 9/2026	Báo cáo, tờ trình, đề án	
118	Đề án thành lập bản đồ hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và môi trường; UBND các xã, phường	Tháng 12/2028	Báo cáo, tờ trình, đề án	
119	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về hòa giải ở cơ sở và áp dụng AI trong tra cứu và tư vấn hòa giải ở cơ sở	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
120	Xây dựng phần mềm quản lý giữ liệu trợ giúp pháp lý, áp dụng AI trong tra cứu và tư vấn trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
121	Xây dựng hệ thống Đầu giá trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
122	Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu VI bằng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
123	Đề án xây dựng Khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2025-2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 1/2026	Quyết định UBND tỉnh	
124	Đề án diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh; diễn tập Phòng thủ dân sự; diễn tập bảo đảm tác chiến phòng thủ khu vực cho các sở, ban, ngành; diễn tập Ban chỉ huy phòng thủ khu vực và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường trong khu vực phòng thủ nhiệm kỳ 2025-2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
125	Đề án tổ chức xây dựng, hoạt động, huấn luyện và bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ giai đoạn 2026-2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính; Văn phòng HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
126	Điều chỉnh quy hoạch vị trí trụ sở Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, nhà ở công vụ, nhà ở xã hội và trụ sở các đơn vị trực thuộc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
127	Điều chỉnh, bố trí nguồn vốn tiếp tục thực hiện các dự án trong Khu vực phòng thủ cấp Huyện thành Sở Chỉ huy cơ bản trong Khu vực phòng thủ của Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 1,2,3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
128	Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân tự vệ, hỗ trợ công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ công an nhân dân	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính, Văn phòng UBND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
129	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hưng Yên	Công an tỉnh	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
130	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
131	Đề án đẩy mạnh xây dựng Công an tỉnh Hưng Yên thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 2	Quyết định UBND tỉnh	
B	NĂM 2027					
1	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2027, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2027	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh	
2	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh	
3	Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2027 và dự kiến kế hoạch năm 2028 tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh	
4	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2027; dự toán ngân sách nhà nước năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5	Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh	
6	Đề án Phân loại đơn vị hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Tháng 12/2027	Báo cáo, tờ trình, đề án	
C	NĂM 2028					
1	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2028, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2028	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2028	Nghị quyết HĐND tỉnh	
2	Tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi thi đua ái quốc", Ngày truyền thống thi đua yêu nước (11/6/1948 - 11/6/2028)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2028	Hội nghị	
3	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2028, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2029	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2028	Nghị quyết HĐND tỉnh	
4	Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2028 và dự kiến kế hoạch năm 2029 tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2028	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2028; dự toán ngân sách nhà nước năm 2029	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2028	Nghị quyết HĐND tỉnh	
6	Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2029	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2028	Nghị quyết HĐND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
7	Đề án “Chính lý tài liệu nền giấy của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2028	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 12/2028	100% tài liệu được chính lý, xác định giá trị tài liệu	
8	Đề án chính lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và môi trường; UBND các xã, phường	Tháng 12/2028	Báo cáo, tờ trình, đề án	
9	Đề án phân loại bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2028	Báo cáo, tờ trình, đề án	
10	Hoàn thành chính lý tài liệu tồn đọng, tích đọng hình thành trong quá trình hoạt động của UBND cấp huyện đã kết thúc hoạt động hiện đang bảo quản tại Lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2028	100% tài liệu được chính lý, xác định giá trị tài liệu	
D	NĂM 2029					
1	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2029, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2029	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2029	Nghị quyết HĐND tỉnh	
2	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2029, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2029	Nghị quyết HĐND tỉnh	
3	Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2029 và dự kiến kế hoạch năm 2030 tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2029	Nghị quyết HĐND tỉnh	
4	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2029; dự toán ngân sách nhà nước năm 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2029	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5	Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2029	Nghị quyết HĐND tỉnh	
E	NĂM 2030					
1	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2030, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
2	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2030, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2031	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
3	Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2030 và dự kiến kế hoạch năm 2031 tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
4	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2030; dự toán ngân sách nhà nước năm 2031	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5	Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2031	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
6	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm 2031-2035	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
7	Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2031-2035 tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
8	Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2031-2035	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 11, 12/2030	Nghị quyết HĐND tỉnh	
9	Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các KCN nằm trong danh mục các KCN quy hoạch đến năm 2030 tại Quy hoạch tỉnh	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2030	Quyết định của Ban Quản lý các KCN; Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp	
10	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các KCN nằm trong danh mục các KCN quy hoạch đến năm 2030 tại Quy hoạch tỉnh	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2030	Quyết định UBND tỉnh	
11	Xây dựng Kho Lưu trữ số đáp ứng quy định tại điều 35 Luật Lưu trữ 2024	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2030	Kho Lưu trữ số đạt chuẩn	
12	Số hóa toàn bộ tài liệu Lưu trữ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn hình thành từ năm 2025 trở về trước tại Lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2030	Cơ sở dữ liệu	